TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **431**/2024/QĐST-HNGĐ	*Bắc Từ Liêm, ngày 26 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 209/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị N T H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Phòng 514 CT2C, Khu Đô Thị Mới NĐ, Tổ dân phố số 8, phường XT, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh N V T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Phòng 514 CT2C, Khu Đô Thị Mới NĐ, Tổ dân phố số 8, phường XT, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 28/02/2019 tại UBND phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị N T H và anh N V T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị N T H và anh N V T có 02 con chung là cháu NHP, sinh ngày 21/11/2019 và cháu NKN sinh ngày 15/4/2022.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên: Giao cháu NHP cho anh N V T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu NKN cho chị N T H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N V T, chị N T H không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh N V T, chị N T H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N T H và anh N V T xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng để hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về nợ chung: Anh N V T, chị N T H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Chị N T H tự nguyện chịu toàn bộ án phí công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị Hạnh đã nộp theo biên lai số 0021528 ngày 03/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Trả lại chị N T H số tiền tạm ứng án phí là 44.700.000 đồng (bốn mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội.
- VKSND Q.Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THA dân sự Q. Bắc Từ Liêm;
- UBND phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Hòa